

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục,
thanh tra dự án đầu tư xây dựng của Thanh tra Bộ GTVT

CHÁNH THANH TRA BỘ

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải (GTVT);

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2013 của Bộ GTVT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức tham mưu giúp việc Bộ trưởng Bộ GTVT;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ của Đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra I và Trưởng phòng Tổng hợp Thanh tra Bộ GTVT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thanh tra dự án đầu tư xây dựng**” của Thanh tra Bộ GTVT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 38/QĐ-TTr ngày 18/11/2015 của Chánh Thanh tra Bộ GTVT về việc ban hành Quy định tạm thời nội dung thanh tra dự án đầu tư xây dựng.

Điều 3. Lãnh đạo Thanh tra Bộ GTVT, Lãnh đạo các phòng thuộc Thanh tra Bộ GTVT, Thanh tra viên, cán bộ, công chức Thanh tra Bộ GTVT, các tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu TH, P1.

CHÁNH THANH TRA



Lê Thanh Hà

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THANH TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-TTr ngày 06/4/2016
của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. Mục đích: Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và các nội dung cần phải thực hiện khi tiến hành một cuộc thanh tra đối với các dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Tạo sự thống nhất, nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác thanh tra đối với các dự án đầu tư xây dựng của Thanh tra Bộ GTVT, đảm bảo thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

II. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự, nội dung, thủ tục phải thực hiện khi tiến hành cuộc thanh tra đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu hoặc vốn vay của Chính phủ (đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và doanh nghiệp được tiến hành thanh tra theo quy định riêng).

Các nguyên tắc về tổ chức, hoạt động đoàn thanh tra, trình tự, thủ tục tiến hành cuộc thanh tra thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ của Đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.

III. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Đoàn thanh tra (do Thanh tra Bộ chủ trì thực hiện) khi tiến hành thanh tra dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu hoặc vốn vay của Chính phủ; Đối tượng thanh tra và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. Khảo sát và lập kế hoạch thanh tra hằng năm

1. Khảo sát thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về thanh tra đối với toàn bộ các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ GTVT.

2. Đánh giá, phân tích, xác định các tiêu chí để lựa chọn đối tượng lập Kế hoạch thanh tra.

3. Trình duyệt Kế hoạch thanh tra.

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thanh tra.

5. Đề xuất thanh tra đột xuất.

II. Thông tin cần thu thập trước khi tiến hành thanh tra

1. Tên dự án, quy mô đầu tư, địa điểm xây dựng; thời gian khởi công, hoàn thành.

2. Cấp quyết định đầu tư, Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư (xây lắp, GPMB), Hình thức quản lý dự án, Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

3. Tổng mức đầu tư, tổng dự toán, cơ cấu nguồn vốn.

4. Tỷ lệ hoàn thành khối lượng xây lắp, giá trị giải ngân, tình hình quyết toán dự án hoàn thành (nếu có).

5. Thông tin về các đơn vị tham gia thực hiện dự án gồm: Tư vấn lập dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm tra, Tư vấn giám sát, Tư vấn kiểm định, Nhà thầu xây lắp (bao gồm cả các nhà thầu phụ).

6. Hệ thống các văn bản pháp lý có liên quan và còn hiệu lực áp dụng trong quá trình triển khai dự án.

7. Hợp đồng kinh tế của các bên có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

8. Hệ thống các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng cho dự án.

9. Tình hình lập, lưu giữ hồ sơ hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công.

10. Các thông tin tổng quan về chất lượng, tiến độ của dự án.

11. Tình hình thanh tra, kiểm toán đối với dự án; Kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý về thanh tra, kiểm toán (nếu có).

III. Nguồn thông tin và phương pháp thu thập.

1. Thu thập thông tin từ các tổ chức, cá nhân có liên quan gồm:

- a) Chủ đầu tư; Ban Quản lý dự án;
- b) Các đơn vị tham gia thực hiện dự án;
- c) Qua thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Phương pháp thu thập thông tin:

- a) Gửi văn bản đề nghị các đơn vị báo cáo theo các mẫu biểu thể hiện chi tiết các thông tin, số liệu cần khảo sát, thu thập.
- b) Thu thập, tổng hợp và đánh giá các số liệu.
- c) Quan sát, kiểm tra thực tế tại hiện trường.

IV. Báo cáo kết quả khảo sát để ban hành quyết định Thanh tra

Báo cáo kết quả khảo sát gồm các nội dung chính sau:

1. Khái quát chung về dự án và tình hình tổ chức thực hiện dự án; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức, thực hiện dự án;
2. Tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung dự kiến thanh tra (nếu có) và các thông tin khác có liên quan;
3. Nhận định những vấn đề nổi cộm, có dấu hiệu sai phạm, đề xuất nội dung thanh tra, đối tượng thanh tra và phương pháp tiến hành thanh tra.

V. Kế hoạch tiến hành thanh tra

1. Trưởng đoàn thanh tra chủ trì xây dựng Kế hoạch tiến hành thanh tra và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định tại Điều 18 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ của Đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.

2. Căn cứ mục tiêu, yêu cầu và tính chất đặc thù của từng cuộc thanh tra, từng dự án cụ thể, trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập, nắm bắt thông tin và đặc biệt là nhận định những vấn đề nổi cộm, có dấu hiệu sai phạm, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm đề xuất nội dung thanh tra và phương pháp tiến hành thanh tra bảo đảm tính tập trung, phù hợp, trọng tâm, trọng điểm.

3. Kế hoạch tiến hành thanh tra phải thể hiện đầy đủ các nội dung:

- a) Mục đích, yêu cầu của cuộc thanh tra cần đạt được.
 - b) Phạm vi, đối tượng, thời gian, nội dung của cuộc thanh tra.
 - c) Phương pháp tiến hành thanh tra, địa điểm thanh tra, kiểm tra, xác minh.
 - d) Tiến độ, thời hạn thực hiện.
- đ) Chế độ thông tin, báo cáo; phương tiện, thiết bị, kinh phí và những điều kiện vật chất khác phục vụ hoạt động của Đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật.

Chương 3

NỘI DUNG THANH TRA

A. Thanh tra giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

I. Các căn cứ pháp lý để thực hiện:

1. Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án đầu tư xây dựng, thuyết minh thiết kế cơ sở; phê duyệt đề cương, dự toán công tác khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư; văn bản tham gia ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành; báo cáo thẩm định dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư; các văn bản chấp thuận, thỏa thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; báo cáo sự cần thiết đầu tư dự án, đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các văn bản khác liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng của dự án.

II. Nội dung thanh tra

1. Lựa chọn nhà thầu.

2. Thuyết minh dự án đầu tư xây dựng, thuyết minh thiết kế cơ sở.

3. Phê duyệt đề cương, dự toán công tác khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư.

4. Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành.

5. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo thẩm định dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư.

7. Các văn bản chấp thuận, thỏa thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Báo cáo sự cần thiết đầu tư dự án, đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. Phương pháp thanh tra

- Nghiên cứu hồ sơ về công tác chuẩn bị đầu tư, thuyết minh dự án đầu tư, công tác phê duyệt đề cương, dự toán, công tác khảo sát và lập dự án đầu tư, văn bản tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định, báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tưxây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết, cụ thể các nội dung và đối chiếu sự tuân thủ quy định của pháp luật từng nội dung được thanh tra.

- Kiểm tra công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình, thuyết minh dự án đầu tư, công tác phê duyệt đề cương, dự toán công tác khảo sát và lập dự án đầu tư,

văn bản tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định, báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư ... đối chiếu sự tuân thủ quy định của pháp luật từng nội dung được thanh tra.

- Kiểm tra giai đoạn chuẩn bị đầu tư bao gồm những việc chủ yếu như sau:
 - + Kiểm tra việc thực hiện những yêu cầu nghiên cứu về sự cần thiết phải đầu tư và quy mô đầu tư (liên quan đến chủ chương đầu tư).
 - + Kiểm tra về căn cứ pháp lý, căn cứ thực tế đối với dữ liệu đã được đưa về khả năng các nguồn vốn đầu tư và lựa chọn hình thức đầu tư.
 - + Kiểm tra việc thực hiện yêu cầu, quy trình về điều tra khảo sát và lựa chọn địa điểm xây dựng.
 - + Kiểm tra việc lập, thẩm định dự án và quyết định đầu tư. Trong nội dung này kiểm tra về thẩm quyền, năng lực, sự tuân thủ và quy trình thẩm tra, thẩm định các nội dung, về khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - xã hội của dự án. Thẩm quyền quyết định đầu tư (chủ đầu tư, hình thức quản lý dự án, việc lựa chọn nhà thầu...) kiểm tra chặt chẽ tính pháp lý theo quy định của pháp luật.
 - + Kiểm tra việc điều chỉnh dự án, nguyên nhân điều chỉnh, tính pháp lý của sự điều chỉnh.

B. Thanh tra giai đoạn thực hiện đầu tư

I. Thanh tra công tác lựa chọn nhà thầu

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng...

1.2. Kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu kèm theo báo cáo đánh giá xếp hạng nhà thầu của Chủ đầu tư (trường hợp đấu thầu); hồ sơ yêu cầu, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ chỉ định thầu, quyết định chỉ định thầu (trường hợp chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh).

1.3. Hồ sơ trúng thầu, hồ sơ hợp đồng đã ký.

1.4. Các văn bản khác liên quan đến công tác đấu thầu.

2. Nội dung thanh tra

2.1. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu, giá gói thầu.

2.2. Lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu.

2.3. Thông báo mời thầu, Hồ sơ mời thầu, mở thầu, bảo lãnh dự thầu.

2.4. Đánh giá Hồ sơ dự thầu, xếp hạng nhà thầu, thương thảo hợp đồng.

2.5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

2.6. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng; loại hợp đồng.

2.7. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Bảo lãnh tạm ứng và tạm ứng hợp đồng.

3. Phương pháp thanh tra

- Nghiên cứu báo cáo về công tác đấu thầu các gói thầu của dự án, nghiên cứu hồ sơ kế hoạch đấu thầu, mời thầu, hồ sơ dự thầu, trình tự thủ tục đấu thầu, báo cáo

kết quả xét thầu ... lên kế hoạch kiểm tra chi tiết, cụ thể các nội dung và đối chiếu sự tuân thủ quy định của pháp luật từng nội dung được thanh tra.

- Kiểm tra hồ sơ về kế hoạch đấu thầu, công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, thông báo mời thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, chấm thầu, đánh giá xếp hạng hồ sơ mời thầu, trình thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu, hoàn thiện thương thảo, ký hợp đồng...

- Kiểm tra các nội dung chủ yếu sau:

+ Kiểm tra về việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án đầu tư: lưu ý trong việc kiểm tra kế hoạch đấu thầu là: việc phân chia số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu (giá, nguồn vốn, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, hình thức hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng).

+ Kiểm tra tính hợp lệ về tư cách của nhà thầu (là tổ chức, và các nhân).

+ Kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện quy định đối với bên mời thầu và chuyên gia đấu thầu.

+ Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đảm bảo tính cạnh tranh trong đấu thầu.

+ Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đấu thầu quốc tế và ưu đãi trong đấu thầu quốc tế.

+ Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về xây dựng và phê duyệt hồ sơ mời thầu, điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu; quy định về đảm bảo dự thầu; quy định về nguyên tắc và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu; quy định về đấu thầu qua mạng; quy định về thời gian đấu thầu.

II. Thanh tra công tác khảo sát xây dựng

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng.

1.2. Các Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình, quản lý đầu tư xây dựng, các thông tư, quyết định của các Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính...

1.3. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật khung tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hệ thống định mức, đơn giá về công tác khảo sát.

1.4. Các văn bản, tài liệu liên quan đến công tác quản lý và thực hiện dự án.

1.5. Các quyết định phê duyệt của dự án, đề cương khảo sát.

1.6. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ chất lượng về khảo sát, thiết kế, hồ sơ hợp đồng, hồ sơ hoàn công.

1.7. Các biên bản nghiệm thu công việc, bộ phận, giai đoạn, hạng mục, về công tác khảo sát...

2. Nội dung Thanh tra

2.1. Lập, phê duyệt khung tiêu chuẩn khảo sát áp dụng đối với dự án.

2.2. Lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng

3.3. Lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng.

2.4. Lập, phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

2.5. Các nội dung liên quan đến thầu phụ.

2.6. Giám sát, nghiệm thu, lưu giữ kết quả khảo sát xây dựng.

2.7. Loại hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, tạm ứng hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng, quyết toán.

3. Phương pháp tiến hành kiểm tra

- Nghiên cứu báo cáo về quá trình quản lý và thực hiện dự án, bản vẽ và các tài liệu có liên quan, và các biểu báo cáo kèm theo yêu cầu chuẩn bị tài liệu của đối tượng thanh tra, lập kế hoạch, nội dung kiểm tra chi tiết, cụ thể từng nội dung.

- Tập hợp các bảng biểu yêu cầu đơn vị báo cáo.

- Nghiên cứu kỹ hồ sơ, bản vẽ và các tài liệu có liên quan, hồ sơ chất lượng về khảo sát, hợp đồng khảo sát, đề cương khảo sát, quy trình khảo sát, tiêu chuẩn áp dụng chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hệ thống định mức, đơn giá về công tác khảo sát.

- Kiểm tra sự đầy đủ và tính pháp lý của tài liệu thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, khí tượng và các tài liệu khác dùng để khảo sát xây dựng công trình.

- Kiểm tra phạm vi khảo sát, tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng, khối lượng các loại công tác khảo sát xây dựng, và dự toán chi phí cho công tác khảo sát xây dựng, thời gian thực hiện khảo sát.

- Kiểm tra cơ sở lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, thành phần, khối lượng công tác khảo sát xây dựng, phương pháp, thiết bị khảo sát và phòng thí nghiệm được sử dụng, tiêu chuẩn khảo sát xây dựng áp dụng, tổ chức thực hiện và biện pháp kiểm soát chất lượng của nhà thầu khảo sát xây dựng, tiến độ thực hiện, biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát; biện pháp bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát và phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát.

- Kiểm tra năng lực thực tế của nhà thầu khảo sát xây dựng bao gồm nhân lực, thiết bị khảo sát tại hiện trường, phòng thí nghiệm (nếu có) được sử dụng so với phương án khảo sát xây dựng được duyệt và quy định của hợp đồng xây dựng. Kiểm tra việc thực hiện khảo sát xây dựng bao gồm: Vị trí khảo sát, khối lượng khảo sát, quy trình thực hiện khảo sát, lưu giữ số liệu khảo sát và mẫu thí nghiệm; kiểm tra thí nghiệm trong phòng thí nghiệm và thí nghiệm hiện trường; kiểm tra công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện khảo sát...

- Đánh giá chất lượng công tác khảo sát: Kiểm tra tính tuân thủ tiêu chuẩn khảo sát, công tác Lập và phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát, giám sát nghiệm thu, lưu giữ kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát...

III. Thanh tra công tác thiết kế xây dựng

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng.

1.2. Các Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình, quản lý đầu tư xây dựng, các thông tư, quyết định của các Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính.

1.3. Các văn bản, tài liệu liên quan đến công tác quản lý và thực hiện dự án.

1.4. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật khung tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hệ thống định mức, đơn giá về công tác khảo sát, thiết kế ...

1.5. Các quyết định phê duyệt của dự án, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, thiết kế...

1.6. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ chất lượng khảo sát thiết kế, hồ sơ hợp đồng, hồ sơ hoàn công.

1.7. Các biên bản nghiệm thu công việc, bộ phận, giai đoạn, hạng mục, về công tác khảo sát...

1.8. Các văn bản khác có liên quan đến công tác thiết kế.

2. Nội dung Thanh tra

2.1. Lập, phê duyệt khung tiêu chuẩn thiết kế áp dụng đối với dự án.

2.2. Lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng.

2.3. Lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng.

2.4. Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế xây dựng, dự toán.

2.5. Các nội dung liên quan đến các đơn vị tham gia thiết kế.

2.6. Nghiệm thu hồ sơ thiết kế.

2.7. Loại hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, tạm ứng hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng, quyết toán.

3. Phương pháp tiến hành kiểm tra

- Nghiên cứu báo cáo về quá trình quản lý và thực hiện dự án, bản vẽ và các tài liệu có liên quan, và các biểu báo cáo kèm theo yêu cầu chuẩn bị tài liệu của đối tượng thanh tra ... lên kế hoạch, nội dung kiểm tra chi tiết, cụ thể từng nội dung.

- Tập hợp các bảng biểu yêu cầu đơn vị báo cáo theo bảng biểu yêu cầu chuẩn bị tài liệu.

- Nghiên cứu kỹ hồ sơ, bản vẽ và các tài liệu có liên quan, hồ sơ chất lượng thiết kế, hồ sơ hợp đồng về khảo sát thiết kế, quy trình, tiêu chuẩn áp dụng chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hệ thống định mức, đơn giá về công tác thiết kế và trên cơ sở báo cáo các bảng biểu của đơn vị cần kiểm tra đối chiếu với sự tuân thủ trình tự thủ tục, quy trình quy phạm và tiêu chuẩn về thiết kế

- Kiểm tra tính tuân thủ của Chỉ dẫn kỹ thuật: Chỉ dẫn kỹ thuật do nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu tư vấn khác được chủ đầu tư thuê lập được phê duyệt là một thành phần của hồ sơ mời thầu thi công xây dựng, làm cơ sở để quản lý thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình, kiểm tra Chỉ dẫn kỹ thuật phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng công trình.

- Kiểm tra năng lực của nhà thầu thiết kế, chất lượng, tiến độ thiết kế so với quy định. Kiểm tra việc bố trí người đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế ... Kiểm tra sự phù hợp của kết quả khảo sát, thiết kế so với nhiệm vụ yêu cầu và phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình.

- Kiểm tra quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình:

+ Hồ sơ thiết kế được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, bản tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình và quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có);

+ Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên,



chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình trong trường hợp nhà thầu thiết kế là tổ chức.

+ Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản theo quy định.

- Kiểm tra năng lực thực tế của nhà thầu thiết kế xây dựng, chủ nhiệm đồ án thiết kế ...

- Kiểm tra khối lượng thiết kế, các định mức về chi phí thiết kế.

- Kiểm tra khối lượng trong bản vẽ thiết kế, định mức, đơn giá các hạng mục trong dự toán.

- Kiểm tra Công tác thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, điều chỉnh thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật, thành phần của hồ sơ thiết kế xây dựng công trình.

- Kiểm tra việc tuân thủ quy định về trình tự thiết kế, nội dung hồ sơ thiết kế và những vấn đề về tổ chức thiết kế, đặc biệt là những điều nghiêm cấm trong thiết kế công trình.

- Kiểm tra việc thẩm định thiết kế và tổng dự toán, dự toán công trình theo các nội dung chủ yếu sau:

+ Kiểm tra việc thẩm định tính phù hợp của thiết kế kỹ thuật với nội dung đã được phê duyệt trong quyết định đầu tư về quy mô, công nghệ, công suất, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, quy hoạch, kiến trúc, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

+ Kiểm tra việc thẩm định về những giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

+ Kiểm tra việc thẩm định về sự hợp lý của giải pháp thiết kế kỹ thuật

+ Kiểm tra về tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân thiết kế kỹ thuật theo quy định.

- Kiểm tra công tác lưu giữ hồ sơ thiết kế

IV. Thanh tra công tác thi công xây dựng

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng.

1.2. Các Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình, quản lý đầu tư xây dựng, các thông tư, quyết định của các Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính.

1.3. Các văn bản, tài liệu liên quan đến công tác quản lý và thực hiện dự án.

1.4. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật khung tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hệ thống định mức, đơn giá ...

1.5. Các quyết định phê duyệt của dự án, phê duyệt khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thiết kế BVTC.

1.6. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ khảo sát thiết kế kỹ thuật, thiết kế BVTC, hồ sơ hợp đồng, hồ sơ hoàn công.

1.7. Các biên bản nghiệm thu công việc, bộ phận, giai đoạn, hạng mục...

1.8. Các văn bản khác có liên quan ...

2. Nội dung Thanh tra

- 2.1. Lập, phê duyệt khung tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu áp dụng đối với dự án.
- 2.2. Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng.
- 2.3. Lập, phê duyệt biện pháp thi công, bản vẽ thi công; hệ thống quản lý chất lượng; kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm soát vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu.
- 2.4. Điều kiện khởi công công trình.
- 2.5. Các nội dung liên quan đến thầu phụ theo quy định
- 2.6. Tổ chức thi công xây dựng theo biện pháp thi công và bản vẽ thi công được phê duyệt, Nhật ký thi công xây dựng công trình.
- 2.7. Các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh, bổ sung, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (nội dung, hạng mục, trình tự thủ tục, thẩm quyền ...).
- 2.8. Công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng, khối lượng công trình, vật tư, vật liệu và thiết bị, công nghệ.
- 2.9. Thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình.
- 2.10. Công tác nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, hạng mục công trình.
- 2.11. Việc lập và lưu giữ Hồ sơ hoàn thành công trình, Bản vẽ hoàn công.
- 2.12. Nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành theo các đợt.
- 2.13. Việc điều chỉnh giá tạm ứng hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, thu hồi tạm ứng, quyết toán.
- 2.14. Kiểm tra bằng trực quan tại hiện trường về chất lượng công trình, hệ thống hộ lan, cọc tiêu, sơn kẻ đường biển báo hiệu ATGT, tổ chức giao thông, giải phân cách, hệ thống thoát nước ... Trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thực hiện các thí nghiệm tại hiện trường để đối chứng.
- 2.15. Nghiệm thu công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào khai thác.

3. Phương pháp tiến hành kiểm tra

- Nghiên cứu báo cáo về quá trình quản lý và thực hiện dự án, bản vẽ và các tài liệu có liên quan, và các biểu báo cáo kèm theo yêu cầu chuẩn bị tài liệu của đối tượng thanh tra ... lập kế hoạch, nội dung kiểm tra chi tiết, cụ thể từng nội dung.
- Tập hợp các bảng biểu yêu cầu đơn vị báo cáo theo bảng biểu yêu cầu chuẩn bị tài liệu.
- Nghiên cứu kỹ hồ sơ, bản vẽ và các tài liệu có liên quan, hồ sơ chất lượng thi công, hồ sơ hợp đồng, quy trình, tiêu chuẩn áp dụng chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hệ thống định mức, đơn giá ... trên cơ sở báo cáo các bảng biểu của đơn vị cần kiểm tra từng nội dung thanh tra và đối chiếu với quy trình, quy phạm, và tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án.
- Kiểm tra tính tuân thủ của việc Lập phê duyệt khung tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu áp dụng đối với dự án đối chiếu với các quy định của pháp luật từng nội dung.
- Kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (nội dung kiểm tra, trình tự kiểm tra như trong mục kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu).
- Kiểm tra trình tự của việc lập, phê duyệt biện pháp tổ chức thi công, bản vẽ thi công; hệ thống quản lý chất lượng; kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm soát

vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu đối với dự án đối chiếu với các quy định của pháp luật từng nội dung.

- Kiểm tra điều kiện khởi công công trình.

- Các nội dung liên quan đến thầu phụ như năng lực của thầu phụ các điều kiện của thầu phụ theo quy định, chấp thuận thầu phụ thực tế huy động đến công trường của thầu phụ, tiến độ chất lượng, ATLD, PCCN, vệ sinh môi trường...

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra tính tuân thủ của việc Tổ chức thi công xây dựng theo biện pháp thi công và bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định, kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp tổ chức thi công đã được phê duyệt;

- Kiểm tra nhật ký thi công xây dựng công trình và đối chiếu với các biên bản nghiệm thu hạng mục, nghiệm thu hoàn thành về trình tự, thủ tục và quy định về thời gian, khối lượng...

- Kiểm tra về trình tự thủ tục việc điều chỉnh, bổ sung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

- Kiểm tra công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nguồn gốc chất lượng, khối lượng công trình, vật tư, vật liệu và thiết bị, công nghệ một số nội dung chính như: vật tư sử dụng thi công gói thầu các vật tư có giá trị lớn: đá, cát, nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu là bán thành phẩm (bê tông nhựa, bê tông xi măng, tôn lợp sóng, dầm cầu...), vật liệu nổ (kèm theo hồ sơ pháp lý, các biên bản kiểm tra của cơ quan chức năng).

- Kiểm tra công tác thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình: Năng lực đơn vị thí nghiệm, bố trí cán bộ thí nghiệm, trang thiết bị thí nghiệm, diện tích phòng thí nghiệm hiện trường, công tác thí nghiệm, công tác lưu giữ thí nghiệm, hồ sơ kết quả thí nghiệm, quy trình thí nghiệm ... đối chiếu với các văn bản quy định về công tác thí nghiệm và kiểm định để đánh giá nhận xét từng nội dung.

- Kiểm tra công tác nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, bộ phận, hạng mục công trình kèm theo các chứng chỉ chất lượng của từng hạng mục.

- Kiểm tra đối chiếu công tác lập và lưu giữ Hồ sơ hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công...

- Kiểm tra công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành theo các đợt đối chiếu với hồ sơ nghiệm thu chất lượng, hợp đồng kinh tế, hồ sơ nghiệm thu chuyên giai đoạn, đơn giá định mức, bản vẽ nghiệm thu ... đã đúng chưa và trình tự quy định về nghiệm thu, thanh toán trong chỉ dẫn kỹ thuật của dự án.

- Kiểm tra công tác tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, thu hồi tạm ứng, quyết toán đúng quy định chưa ..

- Kiểm tra bằng trực quan tại hiện trường về chất lượng công trình, hệ thống hồ lan, cọc tiêu, biển báo hiệu ATGT, giải phân cách, hệ thống thoát nước ... Trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thực hiện các thí nghiệm tại hiện trường để đối chứng.

- Kiểm tra thực tế tại hiện trường: Kiểm tra tổng thể công trình về khối lượng, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình....chọn mẫu một số công việc, hạng mục,

kiểm tra kích thước thông qua các phương pháp đo, đếm... kiểm tra quy cách, tiêu chuẩn vật tư, vật liệu; sử dụng các thiết bị kiểm tra sự phù hợp của thực tế với bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu kỹ thuật và nhật ký thi công; kiểm tra xem xét địa điểm, địa hình, địa vật công trình để xác định điều kiện áp dụng các hệ số vận chuyển, khoảng cách vận chuyển trong thanh toán, đối chiếu so với thực tế thi công.

V. Thanh tra công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng.

1.2. Các Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình, quản lý đầu tư xây dựng, các Thông tư, quyết định của các Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính.

1.3. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hệ thống định mức, đơn giá...

1.4. Các văn bản, tài liệu liên quan đến công tác quản lý và thực hiện dự án.

1.5. Các quyết định phê duyệt của dự án.

1.6. Các hợp đồng kinh tế.

1.7. Các hồ sơ, tài liệu, về công tác chuẩn bị đầu tư, công tác đấu thầu, công tác khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công, nghiệm thu ấn dấu, nghiệm thu giai đoạn, hoàn công, bàn giao công trình ...

1.8. Các hồ sơ bản vẽ TKKT, TKBVTC, Hồ sơ bổ sung phát sinh.

1.9. Các biên bản nghiệm thu công việc, bộ phận, giai đoạn, hạng mục, toàn bộ dự án đầu tư, hồ sơ quản lý chất lượng (Thí nghiệm đầu vào, thí nghiệm kiểm tra chất lượng của dự án ...).

1.10. Bản vẽ hoàn công, báo cáo kết quả thực hiện dự án, hồ sơ bảo hành công trình công tác bảo hành thi công...

1.11. Báo cáo quyết toán hoàn thành, báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo hạng mục công trình, công trình hoàn thành, báo cáo giá trị khối lượng hoàn thành.

2. Nội dung Thanh tra

2.1. Lập, thẩm định và phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

2.2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

2.3. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng công trình.

2.4. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.

2.5. Dự toán gói thầu thi công xây dựng; mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình; dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng.

2.6. Quản lý giá thành xây dựng công trình.

2.7. Quản lý chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.

2.8. Thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành.

3. Phương pháp thanh tra

3.1. Thanh tra chi phí xây lắp, chi phí khảo sát, thiết kế

- Nghiên cứu kỹ hồ sơ khảo sát, hồ sơ các nội dung về việc TKKT, TKBVTC, hồ sơ thay đổi, bổ sung phát sinh, hoàn công....., các quyết định phê duyệt TKKT, TKBVTC, Dự toán, hồ sơ dự toán bước khảo sát TKKT, TKBVTC, hồ sơ dự toán

thầu, đơn giá định mức từng hạng mục, khối lượng từng hạng mục, từng nhóm vấn đề ... và các tài liệu có liên quan, chọn mẫu những khối lượng xây lắp có giá trị lớn, những phần công việc có nhiều khả năng trùng lắp để đi sâu kiểm tra chi tiết, cụ thể.

- Kiểm tra việc tính khối lượng và việc lập đơn giá xây lắp trong dự toán, thanh toán, quyết toán: Căn cứ thiết kế, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu kỹ thuật, nhật ký thi công, các kết quả kiểm tra hiện trường tính toán lại khối lượng so với số liệu trong thanh toán, quyết toán; kiểm tra đơn giá xây lắp trong thanh toán, quyết toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành theo từng trường hợp cụ thể, phụ thuộc vào hình thức hợp đồng giao nhận thầu; tính hợp pháp của các trường hợp có sự thay đổi thiết kế và chủng loại vật liệu trong quá trình thi công làm thay đổi giá thanh toán, quyết toán so với giá trúng thầu; việc áp dụng các phụ phí xây lắp theo chế độ quy định cho từng thời kỳ như chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế GTGT; đối với chi phí đầu tư phát sinh, trượt giá, theo các điều kiện nêu trong hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

- Kiểm tra thực tế tại hiện trường: Kiểm tra tổng thể công trình về khối lượng, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình...; chọn mẫu một số công việc, hạng mục, kiểm tra kích thước thông qua các phương pháp đo, đếm, ...; kiểm tra quy cách, tiêu chuẩn vật tư, vật liệu; sử dụng các thiết bị kiểm tra sự phù hợp của thực tế với bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu chuyên bước thi công, và nhật ký thi công; kiểm tra xem xét địa điểm, địa hình, địa vật công trình để xác định điều kiện áp dụng các hệ số vận chuyển, cự ly vận chuyển trong quá trình nghiệm thu, thanh toán, quyết toán so với thực tế thi công; Đối với việc kiểm tra các công trình đang trong giai đoạn thi công cần phải kiểm tra các phần công việc chìm khuất trước khi thực hiện các công việc tiếp theo.

- Kiểm tra thực tế chi phí về cự ly vận chuyển các loại vật liệu, bãi đổ thải, vị trí các mỏ, chất lượng, trữ lượng, vị trí đặt các trạm BTN, BTXM ...

3.2. Thanh tra chi phí thiết bị

- Kiểm tra trên hồ sơ, chứng từ và các tài liệu có liên quan: Danh mục, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ của thiết bị công nghệ, phụ tùng kèm theo và các trang bị khác với hợp đồng và yêu cầu của hồ sơ mời thầu; kiểm tra giá trị của thiết bị; kiểm tra báo giá, chứng thư thẩm định giá, pháp nhân của đơn vị thẩm định giá ... Xem xét hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị, hợp đồng mua bán, chứng từ gốc hoặc bản sao có chứng thực của thiết bị đã mua trong nước hoặc nhập khẩu; việc áp dụng tỷ giá quy đổi (đối với thiết bị mua bằng ngoại tệ) so với quy định; chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo dưỡng, gia công thiết bị như: Chi phí vận chuyển, bốc xếp theo giá cước quy định, chi phí bảo quản, bảo dưỡng gia công thiết bị theo dự toán được duyệt, hợp đồng, nghiệm thu, ... (đối với thiết bị do chủ đầu tư tự mua); chi phí hoàn thuế, thuế GTGT đối với dự án có nhà thầu nước ngoài.

- Chọn mẫu một số trang thiết bị để kiểm tra thực tế tại hiện trường nhằm xác định sự hiện hữu của tài sản về danh mục, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ của thiết bị công nghệ, phụ tùng kèm theo và các trang bị khác.

3.3. Thanh tra chi phí khác

- Thanh tra nhóm chi phí theo định mức: Căn cứ vào việc áp dụng định mức, tỷ lệ quy định; điều kiện cam kết của hợp đồng để thực hiện kiểm tra.

- Thanh tra nhóm chi phí tính trực tiếp theo dự toán được duyệt: Kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán; việc quyết toán đối với các chi phí.

- Thanh tra chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, việc xây dựng và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; căn cứ vào hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ địa chính kết hợp với kiểm tra thực tế để xác định diện tích, nguồn gốc đất đền bù; dự toán các công trình kiến trúc, tài sản trên đất phải bồi thường, di chuyển; việc áp dụng giá bồi thường, hỗ trợ về đất, hoa màu và các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trên đất căn cứ vào chính sách của nhà nước theo từng thời kỳ; giá trị quyết toán các công trình tái định cư, hạ tầng kỹ thuật, các công trình xây dựng để thực hiện bồi thường (nếu có).

VI. Thanh tra công tác giám sát thi công xây dựng

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng.

1.2. Các Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình, quản lý đầu tư xây dựng, các thông tư, quyết định của các Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính.

1.3. Các văn bản, tài liệu liên quan đến công tác quản lý và thực hiện dự án.

1.4. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật khung tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật của dự án....

1.5. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ chất lượng khảo sát thiết kế, hồ sơ hợp đồng, hồ sơ hoàn công.

1.6. Đề cương tư vấn giám sát.

1.7. Các văn bản khác quy định về công tác tư vấn giám sát Bộ chủ quản

2. Nội dung Thanh tra

2.1. Lựa chọn nhà thầu giám sát thi công xây dựng.

2.2. Lập, phê duyệt đề cương chi tiết công tác giám sát thi công xây dựng.

2.3. Hệ thống quản lý chất lượng đối với công tác giám sát thi công xây dựng của nhà thầu tư vấn giám sát.

2.4. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân (Tư vấn giám sát trưởng, Kỹ sư thường trú, Kỹ sư chuyên ngành, Giám sát viên) tham gia tư vấn giám sát xây dựng công trình.

2.5. Nội dung và kết quả thực hiện tư vấn giám sát về chất lượng công trình xây dựng bao gồm:

a) Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và công tác chuẩn bị thi công của nhà thầu thi công;

b) Kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công;

c) Quản lý, giám sát thực hiện tiến độ thi công;

d) Giám sát về khối lượng và giá thành xây dựng công trình;

đ) Giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường;

e) Giám sát trong giai đoạn bảo hành công trình.

2.6. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

2.7. Hợp đồng, tạm ứng hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thanh toán, quyết toán.

3. Phương pháp tiến hành kiểm tra

- Nghiên cứu báo cáo về quá trình quản lý và thực hiện dự án, báo cáo về công tác quản lý chất lượng của tư vấn giám sát, hồ sơ của TVGS, năng lực Đơn vị TVGS, đề cương TVGS, hệ thống quản lý chất lượng của TVGS, các bản vẽ hồ sơ hoàn công và các biểu báo cáo kèm theo... lập kế hoạch, nội dung kiểm tra chi tiết, cụ thể từng nội dung và đối chiếu quy định của pháp luật từng nội dung thanh tra.

- Tập hợp các bảng biểu yêu cầu đơn vị báo cáo theo bảng biểu mẫu về công tác tư vấn giám sát và các biểu mẫu có liên quan đến công tác TVGS.

- Kiểm tra việc lập, phê duyệt Đề cương chi tiết thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình.

- Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng thực hiện giám sát thi công xây dựng của nhà thầu tư vấn giám sát đã đúng và phù hợp với gói thầu, công trình, đúng với chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, đúng với các văn bản quy định về công tác TVGS chưa có phù hợp với thực tế của gói thầu và dự án không.

- Kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân (Tư vấn giám sát trưởng, Kỹ sư thường trú, Kỹ sư chuyên ngành, Giám sát viên) tham gia tư vấn giám sát xây dựng công trình.

- Kiểm tra nội dung và kết quả thực hiện tư vấn giám sát về chất lượng công trình xây dựng bao gồm:

+ Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và công tác chuẩn bị thi công của nhà thầu thi công;

+ Kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công như thế nào.

+ Quản lý, giám sát thực hiện tiến độ thi công.

+ Giám sát về khối lượng và giá thành xây dựng công trình.

+ Giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

+ Giám sát trong giai đoạn bảo hành công trình.

+ Nhật ký tư vấn giám sát.

- Kiểm tra mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

- Kiểm tra tạm ứng, thanh toán, quyết toán.

VII. Thanh tra công tác quản lý tiến độ

1. Căn cứ Thanh tra

1.1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

1.2. Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tiến hành đầu tư xây dựng công trình.

1.3. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu.

1.4. Hồ sơ chất lượng công trình.

1.5. Hồ sơ hợp đồng; hồ sơ phát sinh, các văn bản gia hạn hợp đồng.

1.6. Hồ sơ hoàn công.

1.7. Các văn bản khác có liên quan đến công tác quản lý tiến độ ...

2. Nội dung Thanh tra

2.1. Tiến độ của dự án.

2.2. Tiến độ của gói thầu.

2.3. Tiến độ của từng hạng mục trong gói thầu được phê duyệt.

2.4. Thời gian chậm tiến độ.

2.5. Nguyên nhân chậm tiến độ.

2.6. Đánh giá việc xử lý chậm tiến độ của Chủ đầu tư, TVGS và các chủ thể tham gia tổ chức thực hiện dự án; Kiến nghị biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

2.7. Kiến nghị xử lý vi phạm.

3. Phương pháp thanh tra

- Nghiên cứu báo cáo về quá trình quản lý và thực hiện dự án, báo cáo về công tác quản lý tiến độ, hợp đồng kinh tế, biểu đồ tiến độ của dự án, biểu đồ tiến độ của gói thầu, các hồ sơ tài liệu có liên quan đến công tác quản lý tiến độ, lên kế hoạch, nội dung kiểm tra chi tiết, cụ thể từng nội dung và đối chiếu quy định của pháp luật từng nội dung được thanh tra kiểm tra.

- Xác định thời gian chậm tiến độ theo từng công việc từ lập dự án đến thi công xây lắp, hoàn thành bàn giao các hạng mục và toàn bộ công trình; kiểm tra việc gia hạn hợp đồng của gói thầu, dự án đầu tư theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

- Kiểm tra thời gian chậm tiến độ dự án theo kế hoạch ban đầu.

- Thời gian chậm tiến độ của từng gói thầu, Thời gian chậm tiến độ của từng hạng mục đã được phê duyệt trong biểu đồ tiến độ.

- Xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc chậm tiến độ và việc phải gia hạn hợp đồng; thẩm quyền của cấp quyết định việc gia hạn hợp đồng.

- Đánh giá việc chậm tiến độ có ảnh hưởng đến dự án, và việc xử lý chậm tiến độ của chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế và các chủ thể có liên quan.

VIII. Thanh tra công tác quản lý Hợp đồng

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

1.2. Luật Kế toán, Luật Thuế và các nghị định, thông tư hướng dẫn.

1.3. Nghị định, thông tư hướng dẫn về quản lý hợp đồng trong xây dựng.

1.4. Hợp đồng đã ký.

1.5. Hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, thanh toán, quyết toán dự án.

1.6. Các tài liệu có liên quan về quản lý tài chính.

2. Nội dung thanh tra

- Thanh tra việc tuân thủ các thủ tục giải ngân, thanh toán: căn cứ vào chế độ và quy định của hợp đồng kiểm tra trình tự, thủ tục thanh toán.

- Thanh tra việc tuân thủ quy định trong chi phí khác của dự án.

- Thanh tra việc quản lý, mua sắm, sử dụng, thanh lý tài sản.

- Tạm ứng vốn, thu hồi vốn ứng, thanh toán, quyết toán.

- Hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Bảo hiểm công trình, hợp đồng bảo hiểm (Bảo hiểm công trình do chủ đầu tư mua, hình thức lựa chọn đơn vị bảo hiểm, hình thức hợp đồng, nội dung hợp đồng...).

3. Phương pháp thanh tra

Nghiên cứu báo cáo về quá trình quản lý và thực hiện dự án, báo cáo về công tác quản lý về hợp đồng kinh tế, các đợt nghiệm thu thanh toán, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán, hồ sơ ứng vốn, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng vốn. lên kế hoạch, nội dung kiểm tra chi tiết, cụ thể từng nội dung và đối chiếu quy định của pháp luật từng nội dung được thanh tra kiểm tra các nội dung.

IX. Thanh tra công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường

1. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1.1. Luật Xây dựng, Luật lao động, Luật Đấu thầu, luật Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

1.2. Nghị định, thông tư hướng dẫn về công tác ATGT, ATLD, VSMT.

1.3. Hồ sơ trúng thầu, hồ sơ hợp đồng đã ký.

1.4. Hồ sơ nghiệm thu, hoàn công. Hồ sơ lập, duyệt về công tác ATGT, ATLD, VSMT.

1.5. Hồ sơ hợp đồng lao động.

1.6. Các tài liệu có liên quan về quản lý về an toàn lao động và an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

2. Nội dung thanh tra

2.1. Lập, phê duyệt và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

2.2. Tổ chức tập huấn an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

2.3. Công tác đăng ký, đăng kiểm máy móc, thiết bị đưa vào thi công.

2.4. Trang thiết bị bảo hộ lao động.

2.5. Hệ thống hộ lan, cọc tiêu, biển báo hiệu an toàn giao thông, giải phân cách..., việc tổ chức giao thông.

2.6. Điều tiết đảm bảo giao thông và sự phối hợp với địa phương, cơ quan quản lý đường bộ.

3. Phương pháp thanh tra

Nghiên cứu báo cáo về quá trình quản lý và thực hiện dự án, báo cáo về công tác quản lý về công tác công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường phương án Lập, phê duyệt và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường, tập huấn an toàn lao động, vệ sinh môi trường, trang thiết bị lao động... lên kế hoạch, nội dung kiểm tra chi tiết, cụ thể từng nội dung và đối chiếu quy định của pháp luật từng nội dung được thanh tra kiểm tra các nội dung.

C. Thanh tra giai đoạn kết thúc xây dựng, đưa dự án vào khai thác sử dụng.

I. Các căn cứ pháp lý để thực hiện

1. Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng.

2. Các Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình, quản lý đầu tư xây dựng, các thông tư, quyết định của các Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính.

3. Các văn bản, tài liệu liên quan đến công tác quản lý và thực hiện dự án.

4. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật khung tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật của dự án, hồ sơ và các biên bản nghiệm thu kết thúc gói thầu.

5. Các văn bản, hồ sơ liên quan theo quy định, trình tự, thủ tục thẩm định ATGT.

II. Nội dung Thanh tra

1. Nghiệm thu công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

2. Quyết toán dự án hoàn thành.

3. Bảo hành công trình.

III. Phương pháp thanh tra.

- Kiểm tra việc thực hiện các nội dung kết thúc xây dựng công trình

- Kiểm tra việc vận hành công trình và hướng dẫn sử dụng công trình: Trách nhiệm khai thác, sử dụng năng lực công trình, hoàn thiện tổ chức và phương pháp quản lý để phát huy đầy đủ các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đã được đề ra trong dự án đầu tư; Trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình.

- Kiểm tra việc bảo hành công trình, bảo hành thiết bị. Chú ý kiểm tra việc tuân thủ quy định bảo hành về thời gian và mức tiền bảo hành công trình, nhất là những công trình, hợp đồng do nhà thầu nước ngoài thực hiện.

- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định về bảo hiểm công trình. Nội dung kiểm tra tập trung vào trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây lắp, nhà cung cấp thiết bị và trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm.

- Kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư. Việc kiểm tra nội dung này tập trung vào trách nhiệm lập quyết toán của chủ đầu tư (về thời gian, nội dung); trách nhiệm thẩm tra quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền; trách nhiệm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của cấp có thẩm quyền đối với từng dự án.

- Kiểm tra việc hoàn trả vốn đầu tư. Thu hồi vốn

D. Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung thanh tra.

1. Báo cáo đánh giá kết quả thanh tra theo các nội dung thanh tra.

Trong báo cáo phải nêu rõ các nội dung được thanh tra đánh giá những tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan, đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật của từng nội dung thanh tra để làm cơ sở đánh giá, nhận xét tính tuân thủ pháp luật, từng nội dung được thanh tra.

2. Đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án.

3. Đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác quản lý và thực hiện dự án (theo giai đoạn đầu tư).

4. Kiến nghị xử lý, vi phạm từng nội dung thanh tra: xử lý về kinh tế, trách nhiệm, của tổ chức và các nhân có liên quan.

5. Kiến nghị các biện pháp khắc phục.

6. Kiến nghị với các cơ quan liên quan cần thay đổi, bổ sung những tồn tại, bất cập về cơ chế, chính sách, chưa phù hợp.

7. Tập hợp toàn bộ số liệu, tài liệu và chứng cứ, phụ lục bảng biểu để xử lý kèm theo và các căn cứ pháp lý kèm theo.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

II. Trách nhiệm thi hành

Lãnh đạo Thanh tra Bộ GTVT, Lãnh đạo các phòng thuộc Thanh tra Bộ GTVT, Thanh tra viên, cán bộ, công chức Thanh tra Bộ GTVT khi tiến hành thanh tra dự án án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và đúng theo các nội dung được quy định tại văn bản này.

III. Sửa đổi bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời để Chánh Thanh tra Bộ xem xét, chỉ đạo nghiên cứu sửa đổi các nội dung cho phù hợp./.



ĐỀ CƯƠNG VỀ NỘI DUNG KIỂM TRA

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
A					
GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH					
Thanh tra giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình					
1	Năng lực đơn vị lập dự án - Quyết định lựa chọn nhà thầu. - Hợp đồng - Năng lực tổ chức. - Năng lực nhân sự tham gia.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		Nhận xét nội dung so với văn bản quy phạm pháp luật
2	Dự án đầu tư				
2.1.	Thuyết minh dự án đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2.2.	Thuyết minh thiết kế cơ sở	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2.3.	Bản vẽ thiết kế cơ sở	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Phê duyệt đề cương, dự toán công tác khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
4	Văn bản tham gia ý kiến của các Cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Báo cáo thẩm định dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		



STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
7	Các văn bản chấp thuận , thỏa thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
8	Báo cáo sự cần thiết đầu tư dự án, đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
Thanh tra công tác lựa chọn nhà thầu					
1	Lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu, giá gói thầu	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2	Lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Thông báo mời thầu, phát hành Hồ sơ mời thầu, mở thầu; Bảo lãnh dự thầu	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
4	Đánh giá Hồ sơ dự thầu, xếp hạng nhà thầu, thương thảo hợp đồng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Hoàn thiện, ký kết hợp đồng; Loại hợp đồng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
7	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Bảo lãnh tạm ứng và tạm ứng hợp đồng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
Thanh tra công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng					
1	Lập, thẩm định và phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
2	Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
4	Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Dự toán gói thầu thi công xây dựng; mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình; dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Quản lý giá xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
7	Quản lý chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
8	Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
B	GIẢI ĐOẠN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT, THIẾT KẾ, THI CÔNG, GIÁM SÁT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH				
	Thanh tra công tác khảo sát xây dựng				
1	Lập, phê duyệt khung tiêu chuẩn khảo sát áp dụng đối với dự án	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2	Lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng (khối lượng khảo sát và dự toán)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng - Quyết định p/d kết quả lựa chọn nhà thầu - Hợp đồng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		



STT	Tai liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
4	Lập, phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Các nội dung liên quan đến thầu phụ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Giám sát, nghiệm thu, lưu giữ kết quả khảo sát xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
7	Tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng, quyết toán	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
Thanh tra công tác thiết kế xây dựng					
1	Lập, phê duyệt khung tiêu chuẩn thiết kế xây dựng áp dụng đối với dự án	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2	Lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng (khối lượng khảo sát và dự toán)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng - Quyết định p/d kết quả lựa chọn nhà thầu - Hợp đồng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
4	Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ thiết kế xây dựng, Dự toán	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Các nội dung liên quan đến thầu phụ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Nghiệm thu Hồ sơ thiết kế	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
7	Tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng, quyết toán	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		



STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
Thanh tra công tác thi công xây dựng					
1	Lập, phê duyệt khung tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu áp dụng đối với dự án	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2	Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng - Quyết định p/d kết quả lựa chọn nhà thầu - Hợp đồng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Lập, phê duyệt biện pháp thi công, bản vẽ thi công; hệ thống quản lý chất lượng; kế hoạch tổ chức thi nghiệm, kiểm tra, kiểm soát vật liệu, sản phẩm, cầu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
4	Điều kiện khởi công công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Các nội dung liên quan đến thầu phụ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Tổ chức thi công xây dựng theo biện pháp thi công và bản vẽ thi công được phê duyệt, lập nhật ký thi công xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
7	Điều chỉnh, bổ sung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
8	Công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng, khối lượng công trình, vật tư, vật liệu và thiết bị, công nghệ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		



STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
9	Thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
10	Công tác nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, bộ phận, hạng mục công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
11	Lập và lưu giữ Hồ sơ hoàn thành công trình, Bản vẽ hoàn công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
12	Nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành theo các đợt	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
13	Tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, thu hồi tạm ứng, quyết toán	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
14	Kiểm tra bằng trực quan tại hiện trường về chất lượng công trình, hệ thống biển báo hiệu ATGT, giải phân cách, hệ thống thoát nước Trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thực hiện các thí nghiệm tại hiện trường để đối chứng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
15	Nghiệm thu công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào khai thác sử dụng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
16	Bảo hành công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
Thanh tra công tác giám sát thi công xây dựng					
1	Lựa chọn nhà thầu giám sát thi công xây dựng (các nội dung quy định tại Điều 6)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2	Các nội dung liên quan đến thầu phụ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
3	Lập, phê duyệt Đề cương chi tiết thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
4	Hệ thống quản lý chất lượng thực hiện giám sát thi công xây dựng của nhà thầu tư vấn giám sát	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân (Tư vấn giám sát trường, Kỹ sư thường trú, Kỹ sư chuyên ngành, Giám sát viên) tham gia tư vấn giám sát xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Thực hiện công tác tư vấn giám sát				
6.1	Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và công tác chuẩn bị thi công của nhà thầu thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6.2	Kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6.3	Quản lý, giám sát thực hiện tiến độ thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6.4	Giám sát về khối lượng và giá thành xây dựng công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6.5	Giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6.6	Giám sát trong giai đoạn bảo hành công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		

ML

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
7	Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
8	Tạm ứng, thanh toán, quyết toán	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
Thanh tra công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường					
1	Lập, phê duyệt và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2	Tổ chức tập huấn an toàn lao động, vệ sinh môi trường	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Công tác đăng ký, đăng kiểm máy móc, thiết bị đưa vào thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
4	Trang thiết bị bảo hộ lao động	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
5	Hệ thống biển báo hiệu an toàn	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
6	Điều tiết đảm bảo giao thông và sự phối hợp với địa phương, cơ quan quản lý đường bộ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
II Văn bản chấp thuận cơ quan quản lý có thẩm quyền					
1	Giấy phép thi công trên đường đang khai thác.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
2	Văn bản thỏa thuận đầu nối đường giao thông.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
3	Văn bản thỏa thuận sử dụng hành lang an toàn đường bộ (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Đánh giá so với VBPL quy định có liên quan	Nhận xét, đánh giá, sự phù hợp so với quy định hiện hành.
4	Văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về đề điều, nước ngầm, khai thác khoáng sản, cảng biển, đường sắt, đường sắt, tỉnh không, công trình văn hóa (nếu có)...	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		
III	Giấy phép xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Đúng <input type="checkbox"/> Không đúng		



BIỂU MẪU BÁO CÁO SỐ 1

- 1. Tên dự án:
- 2. Chủ đầu tư:

Đơn vị tính: VNĐ

ST T	Nội dung	Giá trị dự toán			Giá trị trúng thầu			Giá trị thực hiện			Giá trị thanh toán			Tổng cộng giá trị tạm ứng + Thanh toán	Giá trị quyết toán (nếu có)	
		Dự toán duyệt	Dự toán duyệt bỏ sung, phát sinh, điều chỉnh	Cộng	Giá trị trúng thầu + giá trị ký hợp đồng	Giá trị bỏ sung, phát sinh, điều chỉnh	Cộng	Giá trị đã nghiệm thu	Giá trị chưa nghiệm thu	Cộng	Giá trị tạm ứng	Giá trị nghiệm thu lên phiếu giá	Giá trị tạm ứng trả hồi			Giá trị còn được thanh toán
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7	9	10	11=9+10	13	14	15	16=14-15	17=13+16	12
A	Dự án A															
I	Chi phí xây lắp															
1	Gói thầu số 1															
2	Gói thầu số 2															
3	Gói thầu số 3															
...															
n	Gói thầu số n															
	Cộng I															
	Chi phí khác															
I	Chi phí quản lý dự án															
2	Chi phí thiết kế															
...															
	Cộng II															
	Tổng cộng															

Người lập biểu
(Ký tên)



..... ngày... tháng... năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo

Phụ lục số 02

BIỂU MẪU BÁO CÁO SỐ 2

Tên dự án:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên gói thầu	Tên đơn vị tư vấn	Giá dự toán tư vấn lập	Giá dự toán thẩm định	Giá dự toán được duyệt	Giá trị dự toán duyệt bỏ sung, điều chỉnh	Giá trị dự toán duyệt + Dự toán bỏ sung điều chỉnh	Giá trị trúng thầu	Chênh lệch giữa giá dự toán lập và duyệt	Chênh lệch giữa giá trúng thầu và dự toán được duyệt (%)	Nguyên nhân thay đổi giữa dự toán lập và duyệt	Tỷ lệ giám giá thầu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=6-4	11=(6-9)/9*100	12	13	14
1	Gói thầu số 1												
2	Gói thầu số 2												
3	Gói thầu số 3												
...												
	Tổng cộng												

Người lập biểu
(Ký tên)

..... ngày...tháng...năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo

Phụ lục số 03

DANH SÁCH TƯ VẤN GIÁM SÁT

Tên dự án:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Các văn bản, chứng chỉ có liên quan	Nhiệm vụ được giao TVGS (gói thầu, hạng mục)	Tiêu chí hồ sơ mời thầu và quy định về công tác TVGS
A							
1							
2							
....							
B							
1							
2							
....							

Ghi chú: Kèm theo bản photo bằng tốt nghiệp + Chứng chỉ



Người lập biểu

(Ký tên)

....., ngày...tháng...năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo

Phụ lục số 04

DANH SÁCH THÍ NGHIỆM VIÊN CÁC GÓI THẦU

Tên dự án:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Các văn bản, chứng chỉ có liên quan	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ được giao TN (gói thầu, hạng mục)	Tiêu chí hồ sơ mời thầu và quy định về công tác Thí nghiệm
A	Gói thầu số 1							
1								
2								
....								
B	Gói thầu số 2							
1								
2								
....								

Ghi chú: Kèm theo bản photo bảng tốt nghiệp + Chứng chỉ

....., ngày...tháng...năm

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo

Phụ lục số 05

BÁO CÁO CHI TIẾT VỀ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

Tên dự án:

Gói thầu:

Chủ đầu tư:

Đại diện chủ đầu tư:

Đơn vị thi công:

STT	Hạng mục công việc	DVT	Khối lượng theo TKT	Khối lượng theo TKBV TC	Khối lượng theo TKBVTC được duyệt	Khối lượng thực tế thi công						Khối lượng nghiệm thu thanh toán lên phiếu giá	
						Khối lượng thi công theo BVTC được duyệt	Khối lượng điều chỉnh bổ sung phát sinh	Tổng cộng	Đơn giá theo hợp đồng	Đơn giá điều chỉnh bổ sung	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1													
2													
3													
.....													
	Tổng cộng												

Người lập biểu

(Ký tên)



....., ngày...tháng...năm 20

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo

Phụ lục số 06

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN
GIỮA NHÀ THẦU CHÍNH VÀ CÁC NHÀ THẦU PHỤ**

Tên dự án:

Gợi thầu:

Chủ đầu tư:

Đại diện chủ đầu tư:

Nhà thầu chính:

STT	Hạng mục công việc	DVT	Thanh toán giữa Nhà thầu chính với chủ đầu tư			Thanh toán giữa Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ			Chênh lệch											
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền									
I	Đơn vị thầu phụ ...																			
II	Đơn vị thầu phụ																			

Ghi chú: Lập trên Excel và gửi kèm file giữ liệu

....., ngày...tháng...năm 20

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO VỀ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án :

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt	Giá trị được phê duyệt	Chênh lệch so với giá trị TMDT ban đầu	Chênh lệch so với giá trị điều chỉnh trong lần gần nhất	Giá trị thay đổi do các nguyên nhân:			Ghi chú
						Điều chỉnh	Trượt giá	Nguyên nhân	
1	Tổng mức đầu tư ban đầu								
	Xây lắp								
	GPMB								
	Chi phí khác								
	Dự phòng								
2	Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 1								
	Xây lắp								
	GPMB								
	Chi phí khác								
	Dự phòng								
3	Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2								
								

Người lập biểu
(Ký tên)



....., ngày...tháng...năm 20
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị thi công, tư vấn báo cáo (bao gồm cả các nhà thầu phụ)

Phụ lục số 09

BÁO CÁO NGHIỆM THU - TẠM ỨNG - THANH TOÁN

Tổng công ty, công ty:

Thi công gói thầu số:

Dự án:

Đại diện chủ đầu tư:

Hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư... ngày...tháng...năm, giá trị thanh toán

Hợp đồng kinh tế với thầu phụ số... ngày...tháng...năm, giá trị thanh toán

STT	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Giá trị nghiệm thu	Số...ngày...tháng...	Giá trị được tạm ứng- thanh toán			Ghi chú
					Tạm ứng	Thanh toán	Tổng cộng	
1								
2								
3								
4								
...								
	Tổng cộng							

Ghi chú:

Lập báo cáo trên Excel và gửi file dữ liệu cho đoàn thanh tra

Ngày tháng năm 20

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)